

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO

Địa chỉ: Tổ 14, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Tel: 0351 - 3.851.035

Fax: 0351 - 3.855.296

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Tổng Giám đốc

1 - 4

Báo cáo kiểm toán

5

Báo cáo tài chính

Bảng cân đối kế toán

6 - 7

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

8

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

9

Thuyết minh Báo cáo tài chính

10 - 32



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO

Địa chỉ: Tổ 14, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Tel: 0351 - 3.851.035

Fax: 0351 - 3.855.296

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico trình bày báo cáo này, kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico (sau đây được viết tắt là "Công ty"), như sau:

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico (tiền thân là Xí nghiệp Thực phẩm công nghiệp Phủ Lý - doanh nghiệp Nhà nước) được thành lập theo Quyết định số 737/QĐ-UB ngày 30/8/2000 của UBND tỉnh Hà Nam về việc chuyển Xí nghiệp Thực phẩm công nghiệp Phủ Lý thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam; đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 22/12/2007 (đăng ký thay đổi lần thứ 7) trên cơ sở sáp nhập hai Công ty:

- Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Khoáng sản Hà Nam: Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000216 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 18/11/2007 được chuyển đổi từ Công ty TNHH Khoáng sản Hà Nam;
- Công ty Cổ phần Bao bì Phủ Mỹ: Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000217 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 18/11/2007 được chuyển đổi từ Công ty TNHH Bao bì Phủ Mỹ.

Việc sáp nhập được thực hiện trên cơ sở toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của hai Công ty nêu trên được chuyển sang công ty nhận sáp nhập - Tổng Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam.

Tổng Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700.189.368 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 11/11/2009 (đăng ký thay đổi lần thứ 9) và được thay đổi lần thứ 10 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần ngày 05/3/2012 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 14, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty tại 31/12/2012 là 116.900.000.000 đồng (Một trăm mười sáu tỷ, chín trăm triệu đồng chẵn).

Mã chứng khoán của Công ty là: KSH

Cơ cấu vốn điều lệ:

TT	Đối tượng góp vốn	Số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0,00%
2	Cổ đông khác	11.690.000	116.900.000.000	100,00%
	Cộng	11.690.000	116.900.000.000	100,00%

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

2. Những hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Trong năm tài chính 2012, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất và kinh doanh gạch tuynel, bán sắt thép.

3. Ngành nghề kinh doanh theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác, chi tiết: Hoạt động thăm dò địa chất, khoáng sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Đại lý, môi giới, đấu giá, chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, chi tiết: Sản xuất bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Chế biến đá, khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất nhà nước cấm);
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất, đất sét;
- Sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác, hàng nội thất công trình;
- Trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp;
- Mua bán thực phẩm nông sản;
- Xây dựng công trình: Dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp từ 35KV trở xuống;
- San lấp mặt bằng;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán: máy điều hòa nhiệt độ, thiết bị nội thất gia đình;
- Đầu tư xây dựng khu công viên văn hóa bao gồm có đủ các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống;
- Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng;
- Kinh doanh du lịch;
- Sản xuất kinh doanh và in mác nhãn vô bao, bao bì đóng gói;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh mua bán các loại khoáng chất, khoáng sản phục vụ cho các ngành: công nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, lâm phân bón phục vụ nông nghiệp;
- Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và các hoạt động sản xuất, dịch vụ cho ngành luyện kim và chế tạo kim loại;
- Sản xuất máy móc thiết bị thông thường phục vụ dân sinh;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

4. Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty

❖ Hội đồng quản trị:

- | | | |
|--------------------------|--------------|----------------------------|
| • Ông Nguyễn Tiến Dũng | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 17/02/2012 |
| • Ông Lê Trung Kiên | Chủ tịch | Miễn nhiệm ngày 17/02/2012 |
| | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 17/02/2012 |
| • Ông Nguyễn Minh Hoàn | Ủy viên | |
| • Bà Đặng Thị Thu Phương | Ủy viên | |
| • Ông Đặng Văn Lành | Ủy viên | |

❖ Ban Tổng Giám đốc:

- | | | |
|--------------------------|-------------------|----------------------------|
| • Ông Vũ Minh Thành | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 17/02/2012 |
| • Ông Nguyễn Tiến Dũng | Tổng giám đốc | Miễn nhiệm ngày 17/02/2012 |
| • Bà Đặng Thị Thu Phương | Phó Tổng Giám đốc | |
| • Bà Lâm Thị Thu Trang | Kế toán trưởng | |

❖ Ban kiểm soát:

- | | |
|-------------------------|----------------------|
| • Ông Hoàng Khánh Chung | Trưởng Ban kiểm soát |
| • Bà Đặng Quang Hoạt | Thành viên |
| • Bà Lê Anh Chúc | Thành viên |

❖ Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Vũ Minh Thành.

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính, được trình bày từ trang 06 đến trang 32 kèm theo.

6. Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tín học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

7. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2012; kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã cung cấp đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán, các chứng từ và tài liệu khác có liên quan cho các Kiểm toán viên của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tín học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty mà chưa được thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

Hà Nam, ngày 29 tháng 3 năm 2012

Tổng Giám đốc

Vũ Minh Thành





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited
Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 120743/BCKT- AISHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico*

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO**

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được lập ngày 25 tháng 01 năm 2013 của Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Hamico (sau đây viết tắt là "Công ty") từ trang 06 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho những ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi xét trên các khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013

**CN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ
TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



Đào Tiến Đạt
Chứng chỉ KTV số: D0078/KTV

Kiểm toán viên

Lê Thanh Duy
Chứng chỉ KTV số: 1493/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 đ	01/01/2012 đ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		44.426.701.861	48.212.486.249
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		149.703.236	211.113.526
1. Tiền	111	V.1	149.703.236	211.113.526
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
III. Các khoản phải thu	130		24.218.460.634	29.282.440.422
1. Phải thu khách hàng	131		22.643.893.817	20.725.663.454
2. Trả trước cho người bán	132		2.834.085.651	826.491.000
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	1.816.427.309	10.000.000.000
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(3.075.946.143)	(2.269.714.032)
IV. Hàng tồn kho	140		17.801.065.581	18.707.449.801
1. Hàng tồn kho	141	V.4	17.801.065.581	18.707.449.801
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.257.472.410	11.482.500
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		58.833.300	11.482.500
3. Các khoản thuế phải thu	153	V.5	736.990.204	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.461.648.906	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		164.174.410.242	156.037.555.158
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		123.534.224.059	132.334.982.624
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	99.877.290.572	132.306.182.624
Nguyên giá	222		131.100.545.248	163.774.766.880
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.223.254.676)	(31.468.584.256)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	18.000.000	28.800.000
Nguyên giá	228		48.000.000	48.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.000.000)	(19.200.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	23.638.933.487	0
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	39.580.000.000	21.534.974.400
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	21.014.974.400
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		39.580.000.000	0
3. Đầu tư dài hạn khác	258		0	2.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài	259		0	(1.480.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.060.186.183	2.167.598.134
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1.060.186.183	2.167.598.134
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		208.601.112.103	204.250.041.407

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 đ	01/01/2012 đ
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		98.291.207.788	80.861.751.701
I. Nợ ngắn hạn	310		79.291.207.788	80.861.751.701
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	70.154.624.682	67.114.489.000
2. Phải trả người bán	312		6.160.427.256	11.121.507.337
3. Người mua trả tiền trước	313		51.010.198	109.710.020
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	593.956.745	866.476.701
5. Phải trả người lao động	315		388.141.900	902.084.800
6. Chi phí phải trả	316	V.17	368.883.942	59.027.778
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	897.800.000	0
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		676.363.065	688.456.065
II. Nợ dài hạn	330		19.000.000.000	0
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	19.000.000.000	0
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		110.309.904.315	123.388.289.706
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	110.309.904.315	123.388.289.706
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		116.900.000.000	116.900.000.000
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(6.590.095.685)	6.488.289.706
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		208.601.112.103	204.250.041.407

Hà Nam, ngày 25 tháng 01 năm 2013

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Phạm Thị Thảo



Lâm Thị Thu Trang



Vũ Minh Thành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 đ	Năm 2011 đ
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	68.049.939.729	60.257.823.551
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	68.049.939.729	60.257.823.551
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	57.048.049.259	45.534.916.999
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.001.890.470	14.722.906.552
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	2.381.553.785	4.918.895.948
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	9.188.193.890	8.296.532.940
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.364.092.390	6.816.532.940
8. Chi phí bán hàng	24		6.913.621.882	5.290.265.001
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.527.548.548	5.641.000.297
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(9.245.920.065)	414.004.262
11. Thu nhập khác	31		613.256.817	225.186.307
12. Chi phí khác	32		5.506.924.604	71.673.307
13. Lợi nhuận khác	40		(4.893.667.787)	153.513.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(14.139.587.852)	567.517.262
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	0	159.797.642
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(14.139.587.852)	407.719.620
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.35	(1.209,55)	34,88

Hà Nam, ngày 25 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thảo



Lâm Thị Thu Trang



Tổng Giám đốc
Vũ Minh Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2012 đ	Năm 2011 đ
I. Lưu chuyển từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	72.619.803.297	78.579.991.892
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(72.445.848.079)	(48.992.156.976)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.593.979.525)	(7.262.302.633)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(9.085.902.893)	(6.809.228.660)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	0	(3.527.314.516)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	10.825.720.211	102.043.077
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.022.798.056)	(1.904.068.157)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6.703.005.045)	10.186.964.027
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(20.117.229.443)	(335.030.455)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.253.227.000)	(31.014.974.400)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	7.590.361.731	3.685.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.381.553.785	4.910.590.407
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15.398.540.927)	(22.754.414.448)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	109.664.190.669	113.289.271.051
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(87.624.054.987)	(76.368.670.051)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0	(24.225.601.000)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động tài chính	40	22.040.135.682	12.695.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(61.410.290)	127.549.579
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	211.113.526	83.563.947
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	0
Tiền tồn cuối kỳ	70	149.703.236	211.113.526

Hà Nam, ngày 25 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng


 Tổng Giám đốc


 Phạm Thị Thảo


 Lâm Thị Thu Trang


 Vũ Minh Thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1- Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico (tiền thân là Xi nghiệp Thực phẩm công nghiệp Phú Lý - doanh nghiệp Nhà nước) được thành lập theo Quyết định số 737/QĐ-UB ngày 30/8/2000 của UBND tỉnh Hà Nam về việc chuyển Xi nghiệp Thực phẩm công nghiệp Phú Lý thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam; đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 22/12/2007 (đăng ký thay đổi lần thứ 7) trên cơ sở sáp nhập hai công ty:

- Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Khoáng sản Hà Nam: Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000216 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 18/11/2007 được chuyển đổi từ Công ty TNHH Khoáng sản Hà Nam;
- Công ty Cổ phần Bao bì Phú Mỹ: Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000217 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 18/11/2007 được chuyển đổi từ Công ty TNHH Bao bì Phú Mỹ.

Tổng Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700.189.368 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 11/11/2009 (đăng ký thay đổi lần thứ 9) và được thay đổi lần thứ 10 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần ngày 05/3/2012 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 14, phường Quang Trung, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty tại 31/12/2012 là: 116.900.000.000 đồng (Một trăm mười sáu tỷ, chín trăm triệu đồng). Cơ cấu vốn điều lệ:

TT	Đối tượng góp vốn	Số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0,00%
2	Cổ đông khác	11.690.000	116.900.000.000	100,00%
	Cộng tổng	11.690.000	116.900.000.000	100,00%

Tại ngày 01/01/2012, Công ty có một (01) công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu xây dựng HAMICO II. Tháng 6 năm 2012, Công ty đã thoái vốn đầu tư. Tại ngày 31/12/2012, Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu xây dựng HAMICO II không còn là công ty con của Công ty.

2- Những hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất và kinh doanh gạch tuynel, giã công và bán sắt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3- Ngành nghề kinh doanh theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**

- Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác, chi tiết: Hoạt động thăm dò địa chất, khoáng sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Đại lý, môi giới, đấu giá, chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Bốc xếp hàng hóa;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, chi tiết: Sản xuất bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Chế biến đá, khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất nhà nước cấm);
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất, đất sét;
- Sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác, hàng nội thất công trình;
- Trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp; Mua bán thực phẩm nông sản;
- Xây dựng công trình: Dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp từ 35KV trở xuống; San lấp mặt bằng;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán: máy điều hòa nhiệt độ, thiết bị nội thất gia đình;
- Dầu tư xây dựng khu công viên văn hóa bao gồm có đủ các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống;
- Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng; Kinh doanh du lịch;
- Sản xuất kinh doanh và in mác nhãn vỏ bao, bao bì đóng gói;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh mua bán các loại khoáng chất, khoáng sản phục vụ cho các ngành: công nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, lâm phân bón phục vụ nông nghiệp;
- Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và các hoạt động sản xuất, dịch vụ cho ngành luyện kim và chế tạo kim loại;
- Sản xuất máy móc thiết bị thông thường phục vụ dân sinh;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa.

II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1- Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (đ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1- Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

3- Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh.**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, ngoại trừ các thay đổi trong các chính sách kế toán trình bày dưới đây:

Ngày 24/10/2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp ("Thông tư 179") có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/12/2012, áp dụng từ năm tài chính 2012 và thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

Ngày 24/10/2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 180/2012/TT-BTC hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp ("Thông tư 180") có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/12/2012. Thông tư này thay thế Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/8/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp.

Công ty đã áp dụng Thông tư 179, Thông tư 180 và thực hiện theo hướng dẫn của các Thông tư này cho năm hiện hành.

2- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng, đảm bảo đã được kiểm kê, có xác nhận số dư của các ngân hàng tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền (tiếp theo)

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng Việt Nam: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính quy định về việc "Ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp".

3- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

4- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và hao mòn sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp" và Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

5- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Theo nguyên tắc giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

5.1- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình hình thành do mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

5.2- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Nguyên giá TSCĐ vô hình là Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

6- Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

7- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con: khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát Công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con. Các khoản đầu tư vào Công ty con được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết: được ghi nhận khi công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các Công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể

Đã kiểm tra và
chứng thực
theo quy định
của pháp luật
Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác: Là các khoản đầu tư như: trái phiếu, cổ phiếu, cho vay... hoặc các khoản vốn công ty đang đầu tư vào các dự án hay đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn). Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp giá gốc là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập của các nhà đầu tư được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc. Nếu không xác định được giá thị trường của chứng khoán thì không trích lập dự phòng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, đối với các khoản đầu tư có tổn thất, Công ty tiến hành xác định giá trị tổn thất để lập dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp" và Thông tư 34/2011/TT - BTC ngày 14/03/2011 về việc sửa đổi Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính.

8- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay.

9- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm các khoản chi phí: Tiền đồng góp giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng cho Ban quản lý dự án cụm Trung tâm công nghiệp Nam Châu Sơn, thành phố Phú Lý được phân bổ theo thời gian thuê đất (50 năm); công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính cần phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong thời gian 24 tháng.

Phương pháp phân bổ: Theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***10- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có số chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: Tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: Tuân thủ 04 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo hợp đồng và thời gian cung cấp dịch vụ thực tế.

Doanh thu hoạt động tài chính: Tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong kỳ là chi phí lãi tiền vay, lỗ các khoản đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***14- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp theo)**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

15- Công cụ tài chính**Tài sản tài chính**

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các Báo cáo tài chính thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các Báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các Báo cáo tình hình tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

16- Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ với các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

17- Nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế GTGT: Công ty thực hiện nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế GTGT áp dụng đối với các sản phẩm sản xuất công nghiệp của Công ty là 10%;

Các loại thuế, phí khác thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của nhà nước.

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN**1- Tiền**

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Tiền mặt tại quỹ	86.184.207	166.659.404
Tiền gửi ngân hàng	63.519.029	44.454.122
Ngân hàng Xăng dầu PETROLIMEX	5.183.700	5.056.900
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Hà Nam	908.370	906.843
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam	57.076.226	38.490.379
Tiền gửi tại Công ty CP Chứng khoán Thủ đô	350.733	0
Cộng	149.703.236	211.113.526

3- Các khoản phải thu khác

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Phải thu Công ty Cổ phần Sơn Hải	0	10.000.000.000
Công ty CP Khoáng sản Luyện kim màu	61.530.277	0
Thuế GTGT của hoạt động xây lắp do nhà thầu chưa phát hành hóa đơn	1.754.897.032	0
Cộng	1.816.427.309	10.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO

Địa chỉ: Tổ 14, phường Quang Trung, Tp Phú Lý, tỉnh Hà Nam

Tel: 0351 - 3.851.035

Fax: 0351 - 3.855.296

MÃ SỐ B09 - DN

Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4 - Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Nguyên liệu, vật liệu	11.185.240.092	9.210.566.615
Công cụ, dụng cụ	121.591.136	37.598
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	69.836.000	403.713.335
Thành phẩm	6.314.315.950	8.944.251.709
Hàng hóa	110.082.403	148.880.544
Cộng	17.801.065.581	18.707.449.801

5 - Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	736.990.204	0
Cộng	736.990.204	0

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đồng

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	100.441.495.665	39.333.296.991	22.441.024.524	1.558.949.700	163.774.766.880
Tăng do mua sắm	0	256.769.019	0	202.818.182	459.587.201
Tăng do phân loại lại	0	301.357.481	0	10.972.833	312.330.314
Giảm khác	(11.893.661.820)	(18.929.022.781)	(2.623.454.546)	0	(33.446.139.147)
+ Phân loại lại	(303.330.314)	0	(9.000.000)	0	(312.330.314)
+ Góp vốn	(4.698.800.262)	(18.929.022.781)	(2.614.454.546)	0	(26.242.277.589)
+ Phá dỡ	(6.891.531.244)	0	0	0	(6.891.531.244)
Tại ngày 31/12/2012	88.547.833.845	20.962.400.710	19.817.569.978	1.772.740.715	131.100.545.248
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	12.775.102.357	12.111.579.004	6.069.006.121	512.896.774	31.468.584.256
Khấu hao trong kỳ	3.465.721.024	2.154.633.987	1.951.878.128	157.129.749	7.729.362.888
Tăng do phân loại lại	76.444.295	0	0	60.157.700	136.601.995
Giảm khác	(2.371.473.653)	(4.790.413.902)	(949.406.908)	0	(8.111.294.463)
+ Phân loại lại	0	(124.678.186)	(11.923.809)	0	(136.601.995)
+ Góp vốn	(901.052.877)	(4.665.735.716)	(937.483.099)	0	(6.504.271.692)
+ Phá dỡ	(1.470.420.776)	0	0	0	(1.470.420.776)
Tại ngày 31/12/2012	13.945.794.023	9.475.799.089	7.071.477.341	730.184.223	31.223.254.676
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2012	87.666.393.308	27.221.717.987	16.372.018.403	1.046.052.926	132.306.182.624
Tại ngày 31/12/2012	74.602.039.822	11.486.601.621	12.746.092.637	1.042.556.492	99.877.290.572

Giá trị còn lại tại 31/12/2012 của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố các khoản vay: 61.770.627.836 đ.

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao tại ngày 31/12/2012 nhưng vẫn còn sử dụng: 1.086.944.016 đ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO

Địa chỉ: Tổ 14, phường Quang Trung, Tp Phú Lý, tỉnh Hà Nam

Tel: 0351 - 3.851.035

Fax: 0351 - 3.855.296

MẪU SỐ B09 - DN

Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: đồng

KHOẢN MỤC	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2012	48.000.000	48.000.000
Tại ngày 31/12/2012	48.000.000	48.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2012	19.200.000	19.200.000
Khấu hao trong năm	10.800.000	10.800.000
Tại ngày 31/12/2012	30.000.000	30.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2012	28.800.000	28.800.000
Tại ngày 31/12/2012	18.000.000	18.000.000

11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Mua sắm tài sản cố định	363.636.364	0
Chi phí xây dựng nhà máy gạch Hamico I (*)	23.275.297.123	0
Cộng	23.638.933.487	0

(*) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty CP Tập đoàn khoáng sản Hamico ngày 4/6/2012 về việc triển khai xây dựng và cải tạo nhà máy gạch Hamico I với tổng mức đầu tư là 44.935.000.000 đồng.

13- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Đầu tư vào Công ty con	0	21.014.974.400
Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng HAMICO II	0	21.014.974.400
Cộng	0	21.014.974.400

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Đầu tư vào Công ty liên kết	39.580.000.000	0
Công ty CP Khoáng sản luyện kim màu (*)	39.580.000.000	0
Cộng	39.580.000.000	0

(*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 ngày 23/4/2012 của Công ty Cổ phần Khoáng sản luyện kim màu do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp, vốn góp của Công ty Cổ phần tập đoàn khoáng sản Hamico là 39.580.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 25,23%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO

Địa chỉ: Tổ 14, phường Quang Trung, Tp Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Tel: 0351 - 3.851.035

Fax: 0351 - 3.855.296

MẪU SỐ B09 - DN

Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

Đầu tư dài hạn khác	31/12/2012		01/01/2012	
	Số cổ phiếu	Giá trị (đ)	Số cổ phiếu	Giá trị (đ)
Tổng Công ty CP Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico (KSD)	0	0	200.000	2.000.000.000
Cộng	0	0	200.000	2.000.000.000

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico	0	(1.480.000.000)
Cộng	0	(1.480.000.000)

14- Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	99.768.000	417.179.951
Tiền đóng góp giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng cho Ban quản lý dự án cụm Trung tâm công nghiệp Nam Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.	453.751.515	483.751.515
Chi phí trả trước dài hạn khác	506.666.668	1.266.666.668
Cộng	1.060.186.183	2.167.598.134

15- Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	34.299.624.682	25.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	34.299.624.682	25.000.000.000
- CN Hà Nam		
Vay ngắn hạn cá nhân	35.855.000.000	34.564.489.000
+ Nguyễn Thị Kim Thoa	7.000.000.000	8.910.000.000
+ Nguyễn Ngọc Hương	8.000.000.000	8.800.000.000
+ Nguyễn Anh Đức	9.000.000.000	7.000.000.000
+ Nguyễn Tiến Dũng	4.555.000.000	5.854.399.000
+ Nguyễn Thị Thanh Huyền	3.000.000.000	4.000.000.000
+ Nguyễn Thị Huệ	1.300.000.000	0
+ Nguyễn Thị Xuyên	3.000.000.000	0
Vay ngắn hạn đối tượng khác	0	7.550.000.000
+ Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico	0	7.550.000.000
Cộng	70.154.624.682	67.114.489.000

(*) Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Nam với mục đích phục vụ sản xuất, kinh doanh, thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày rút vốn vay lần đầu tiên, lãi suất 12%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO

Địa chỉ: Tổ 14, phường Quang Trung, Tp Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Tel: 0351 - 3.851.035

Fax: 0351 - 3.855.296

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Thuế giá trị gia tăng	549.803.745	494.363.018
Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	356.385.683
Thuế tài nguyên	13.265.000	0
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	30.888.000	15.728.000
Cộng	593.956.745	866.476.701

17- Chi phí phải trả

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Chi phí tiền lãi vay phải trả	368.883.942	59.027.778
+ Lãi vay cá nhân	291.484.442	0
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		
- CN Hà Nam	77.399.500	59.027.778
Cộng	368.883.942	59.027.778

18- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Công ty CP Khoáng sản Luyện Kim Mầu	791.600.000	0
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	103.200.000	0
Các khoản phải trả khác	3.000.000	0
Cộng	897.800.000	0

20- Vay và nợ dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Vay dài hạn	19.000.000.000	0
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	19.000.000.000	0
- CN Hà Nam		
Cộng	19.000.000.000	0

Chi tiết hợp đồng vay trung hạn NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Số hợp đồng	Ngày vay	Thời gian đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
00482/2012/0003054 ngày 04/12/2012	04/12/2012	Tháng 9/2017	Thả nổi điều chính hàng quý	Tài sản thế chấp (*)

(*) Tài sản thế chấp là nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc thiết bị Nhà máy gạch Hamico I, nhà cửa vật kiến trúc khu nhà điều hành, dây truyền rút sắt tự động, quyền sử dụng đất, phương tiện vận tải ...

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO

Địa chỉ: Tổ 14, phường Quang Trung, Tp Phú Mỹ, tỉnh Hà Nam

Tel: 0351 - 3.851.035

Fax: 0351 - 3.855.296

MÃ SỐ B09 - DN

Ban hành theo QĐ13/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22- Nguồn vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	116.900.000.000	30.153.751.887	147.053.751.887
Lãi trong năm trước	0	407.719.620	407.719.620
Phân phối lợi nhuận	0	(24.073.181.801)	(24.073.181.801)
Số dư cuối năm trước, Số dư đầu năm nay	116.900.000.000	6.488.289.706	123.388.289.706
Tăng khác (*)	0	1.061.202.461	1.061.202.461
Lỗ trong năm nay	0	(14.139.587.852)	(14.139.587.852)
Số dư cuối năm nay	116.900.000.000	(6.590.095.685)	110.309.904.315

(*) Tăng khác do giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2010 theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 27/4/2012 của Cục thuế tỉnh Hà Nam.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Vốn góp của Nhà nước	0	0
Vốn góp của các đối tượng khác	116.900.000.000	116.900.000.000
Cộng	116.900.000.000	116.900.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận được chia

	Năm 2012	Năm 2011
	đ	đ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	116.900.000.000	116.900.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	116.900.000.000	116.900.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia		
+ Năm 2010	0	23.380.000.000
+ Năm 2011	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO

Địa chỉ: Tổ 14, phường Quang Trung, Tp Phú Lý, tỉnh Hà Nam

Tel: 0351 - 3.851.035

Fax: 0351 - 3.855.296

MÃ SỐ B09 - DN

Ban hành theo QĐ13/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

đ. Cổ phiếu

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
- Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	11.690.000	11.690.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.690.000	11.690.000
+ Cổ phiếu phổ thông	11.690.000	11.690.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.690.000	11.690.000
+ Cổ phiếu phổ thông	11.690.000	11.690.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng.

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**25- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2012	Năm 2011
	đ	đ
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	68.049.939.729	59.877.240.551
Doanh thu của dịch vụ đã cung cấp	0	380.583.000
Cộng	68.049.939.729	60.257.823.551

27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012	Năm 2011
	đ	đ
Doanh thu thuần trao đổi, sản phẩm hàng hóa	68.049.939.729	59.877.240.551
Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	0	380.583.000
Cộng	68.049.939.729	60.257.823.551

28- Giá vốn hàng bán

	Năm 2012	Năm 2011
	đ	đ
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	57.048.049.259	45.534.916.999
Cộng	57.048.049.259	45.534.916.999

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO

Địa chỉ: Tổ 14, phường Quang Trung, Tp Phù Lý, tỉnh Hà Nam

Tel: 0351 - 3.851.035

Fax: 0351 - 3.855.296

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29- Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 đ	Năm 2011 đ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.753.785	63.877.948
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.374.800.000	4.855.018.000
Lãi thu được từ đầu tư chứng khoán (Cổ phiếu của Tổng công ty CP Khoáng sản Nari Hamico)	0	1.855.018.000
Doanh thu từ hoạt động liên doanh với Công ty Cổ phần Sơn Hải	0	3.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ Công ty CP Khoáng sản Luyện kim màu	2.374.800.000	0
Cộng	2.381.553.785	4.918.895.948

30- Chi phí tài chính

	Năm 2012 đ	Năm 2011 đ
Chi phí lãi tiền vay	9.364.092.390	6.816.532.940
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	0	1.480.000.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	(175.898.500)	0
Cộng	9.188.193.890	8.296.532.940

31- Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2012 đ	Năm 2011 đ
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	0	159.797.642
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành của năm nay	0	0
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	0	159.797.642

33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 đ	Năm 2011 đ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.500.928.691	41.966.120.149
Chi phí nhân công	7.080.036.625	7.496.750.093
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.729.362.888	9.003.071.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.535.558.554	12.091.543.976
Chi phí khác bằng tiền	235.464.650	945.688.574
Cộng	51.081.351.408	71.503.174.217

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***35- Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2012	Năm 2011
	đ	đ
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(14.139.587.852)	407.719.620
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(14.139.587.852)	407.719.620
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	11.690.000	11.690.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.209,55)	34,88

37- Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

37.1- Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 và ngày 31/12/2011.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31/12/2012 và ngày 31/12/2011.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***37.1- Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
VND	+200	(1.780.098.429)
VND	-200	1.780.098.429
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011		
VND	+300	(2.007.101.264)
VND	-300	2.007.101.264

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Tại ngày lập báo cáo tài chính Công ty không có công cụ tài chính nào bằng đồng ngoại tệ. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không có.

37.2- Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn và bị suy giảm vào ngày 31/12/2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

37.2- Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

Tại ngày	Tổng cộng	Quá hạn và bị suy giảm			
		Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	Từ 3 năm trở lên
31/12/2012	2.840.041.841	388.039.569	0	129.740.000	2.322.262.272
31/12/2011	2.452.002.272	0	602.638.917	953.224.479	896.138.876

37.3- Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Đơn vị tính: đồng

Tại ngày 31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	70.154.624.682	19.000.000.000	0	89.154.624.682
Phải trả người bán	6.160.427.256	0	0	6.160.427.256
Phải trả khác	794.600.000	0	0	794.600.000
Chi phí phải trả	368.883.942	0	0	368.883.942
Cộng	77.478.535.880	19.000.000.000	0	96.478.535.880
Tại ngày 01/01/2012				
Các khoản vay và nợ	67.114.489.000	0	0	67.114.489.000
Phải trả người bán	11.121.507.337	0	0	11.121.507.337
Phải trả khác	0	0	0	0
Chi phí phải trả	59.027.778	0	0	59.027.778
Cộng	78.295.024.115	0	0	78.295.024.115

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng Tài sản thế chấp là nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc thiết bị Nhà máy gạch Hamico I, nhà cửa vật kiến trúc khu nhà điều hành, quyền sử dụng đất, dây truyền rút sắt tự động, phương tiện vận tải ...

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31/12/2012 và 01/01/2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

38 - Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty :

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2012		31/12/2011		31/12/2012	31/12/2011
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	149.703.236	0	211.113.526	0	149.703.236	211.113.526
Phải thu khách hàng	22.643.893.817	(2.529.492.143)	20.725.663.454	(1.873.260.032)	20.114.401.674	18.852.403.422
Phải thu khác	1.816.427.309	0	10.000.000.000	0	1.816.427.309	10.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	0	0	2.000.000.000	(1.480.000.000)	0	520.000.000
Cộng	24.610.024.362	(2.529.492.143)	32.936.776.980	(3.353.260.032)	22.080.532.219	29.583.516.948
Nợ phải trả tài chính						
Vay và nợ	89.154.624.682	0	67.114.489.000	0	89.154.624.682	67.114.489.000
Phải trả người bán	6.160.427.256	0	11.121.507.337	0	6.160.427.256	11.121.507.337
Phải trả khác	794.600.000	0	0	0	794.600.000	0
Chi phí phải trả	368.883.942	0	59.027.778	0	368.883.942	59.027.778
Cộng	96.478.535.880	0	78.295.024.115	0	96.478.535.880	78.295.024.115

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba Công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2012. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****36. Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

- a. Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua cho thuê tài chính: không phát sinh.
- b. Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo: không phát sinh.
- c. Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện: không phát sinh.

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 mà chưa được thuyết minh trong báo cáo này.

3- Thông tin về các bên liên quan**Công ty liên kết**

Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Khoáng sản luyện kim màu

Địa chỉ: Tổ 4, phường Quang Trung, tp. Phú Lý, tỉnh Hà Nam

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số : 0700382548 ngày 03/8/2009

Vốn điều lệ: 156.880.000.000 (Một trăm năm mươi sáu tỷ, tám trăm tám mươi triệu đồng chẵn)

Giá trị vốn góp của Công ty lũy kế đến thời điểm 31/12/2012 là: 39.580.000.000 đồng (Ba mươi chín tỷ, năm trăm tám mươi triệu đồng chẵn) chiếm tỷ lệ 25,23%.

Trong kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 31/12/2012 giao dịch chủ yếu phát sinh với Công ty Cổ phần Khoáng sản luyện kim màu là đầu tư góp vốn và mua bán sắt, thép.

Các giao dịch với Công ty Cổ phần Khoáng sản luyện kim màu

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số dư tại 01/01/2012	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư tại 31/12/2012
Phải thu khách hàng	0	12.483.554.167	10.373.336.116	2.110.218.051
Phải thu khác	0	61.530.277	0	61.530.277
Phải trả khác	0	791.600.000	0	791.600.000
Đầu tư góp vốn	0	39.580.000.000	0	39.580.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Giao dịch trong năm 2012 với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc công ty là tiền lương phát sinh trong năm.

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Dơn vị tính: đồng
			Số dư cuối năm
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	Lương, thù lao	867.200.000	165.200.000

4- Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Công ty trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

Chỉ tiêu	Khai thác, chế biến và bán bột đá	Sản xuất và bán gạch	Gia công và bán sắt	Hoạt động khác	Dơn vị tính: đồng
					Tổng cộng
Doanh thu thuần	18.876.170.337	17.591.526.292	22.275.678.900	9.306.564.200	68.049.939.729
Doanh thu thuần từ bán hàng bán ra bên ngoài	18.876.170.337	17.591.526.292	22.275.678.900	9.306.564.200	68.049.939.729
Chi phí	12.941.387.583	20.622.103.481	27.222.294.224	9.703.434.401	70.489.219.689
Giá vốn	9.212.981.304	17.147.439.080	22.822.419.695	7.863.209.180	57.048.049.259
Chi phí phân bổ	3.728.406.279	3.474.664.401	4.399.874.529	1.838.225.221	13.441.170.430
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.934.782.754	(3.030.577.189)	(4.946.615.324)	(396.870.201)	(2.439.279.960)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	127.483.526	118.807.458	150.442.704	62.853.513	459.587.201
Tài sản bộ phận	57.863.241.911	53.925.278.446	68.284.136.766	28.528.454.980	208.601.112.103
Tổng tài sản	57.863.241.911	53.925.278.446	68.284.136.766	28.528.454.980	208.601.112.103
Nợ phải trả bộ phận	27.264.705.718	25.409.168.222	32.174.949.634	13.442.384.214	98.291.207.788
Tổng nợ phải trả	27.264.705.718	25.409.168.222	32.174.949.634	13.442.384.214	98.291.207.788

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO

Địa chỉ: Tổ 14, phường Quang Trung, Tp Phù Lý, tỉnh Hà Nam

Tel: 0351 - 3.851.035

Fax: 0351 - 3.855.296

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo QD15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5- Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tín học Tp. Hồ Chí Minh.

6- Tính hoạt động liên tục

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Hà Nam, ngày 25 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu



Phạm Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Lâm Thị Thu Trang

Tổng Giám đốc



Vũ Minh Thành